

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ ĐỒNG XOÀI  
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 20-4-2022

Về việc: “*Tranh chấp ly hôn; Nuôi con chung,  
cấp dưỡng nuôi con chung*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐỒNG XOÀI, TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* **Ông Vũ Đình Kiên**

*Các Hội thẩm nhân dân:* **Ông Nguyễn Văn Được**  
**Bà Nguyễn Thị Loan**

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Bùi Hoàng Long – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa:** Bà Lê Thị Huê – Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 4 năm 2022, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 41/2022/TLST-HN&GD ngày 23 tháng 2 năm 2022 về việc tranh chấp: “*Ly hôn; nuôi con chung, cấp dưỡng nuôi con chung*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2022/QĐXX-ST ngày 08/4/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Hà Văn D, sinh năm 1993;

Trú tại: Ấp SX, xã T P, huyện Đ P, tỉnh Bình Phước.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Mỹ D1, sinh năm: 1994;

Trú tại: Số 864, đường P R Đ, phường T X, thành phố ĐX, tỉnh Bình Phước.

(Các đương sự có mặt tại phiên tòa)

**NỘI D1 VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Ông Hà Văn D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Vợ chồng ông D và bà D1 tự nguyện tìm hiểu, đăng ký kết hôn tại UBND xã Tân Phước, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước ngày 18/8/2016, tổ chức hôn lễ theo đúng quy định pháp luật và phong tục địa P.

Thời kỳ đầu hôn nhân hai vợ chồng chung sống hạnh phúc, chung sống tại nhà bố mẹ ruột ông D tại Ấp SX, xã T P, huyện Đ P, tỉnh Bình Phước. Đến khoảng đầu năm 2020 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã lẫn nhau, có xảy ra đánh nhau, bà D1 đã từng cầm kéo đâm vào vai trái làm ông D bị thương. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp, vợ chồng đã cố gắng hòa giải nhưng không được. Đến năm 2021, vợ chồng ông D chuyển ra số 212 đường Lê Quý Đôn, phường Tân Thiện, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước sinh sống, tuy nhiên cuộc sống vợ chồng cũng không có thay đổi, vẫn cãi nhau liên tục, đến khoảng tháng 12 năm 2021 thì vợ chồng sống ly thân. Hiện nay, ông D về nhà bố mẹ ruột tại Ấp SX, xã T P, huyện Đ P, tỉnh Bình Phước, còn bà D1 sống tại Số 864, đường P R Đ, phường T X, thành phố ĐX, tỉnh Bình Phước. Nay tình cảm hai vợ chồng không còn, không có khả năng giải quyết mâu thuẫn. Đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với bà D1.

Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Tại đơn khởi kiện ông D có đề nghị giao con chung là cháu Hà Nhã P, sinh ngày 21/02/2017 cho ông Hà Văn D trực tiếp chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng. Giao con chung là cháu Hà Anh P1, sinh ngày 27/01/2019 cho bà Nguyễn Thị Mỹ D1 trực tiếp chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng.

Quá trình tố tụng, ông D thay đổi yêu cầu về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Giao 02 con chung là cháu Hà Nhã P, sinh ngày 21/02/2017 và cháu Hà Anh Phi, sinh ngày 27/01/2019 cho bà Nguyễn Thị Mỹ D1 trực tiếp chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng cho đến khi cháu P và cháu P1 đủ 18 tuổi. Ông Hà Văn D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung với số tiền 10.000.000 đồng (mười triệu đồng)/01 tháng/02 cháu. Việc cấp dưỡng nuôi con chung vào ngày 01 hàng tháng và bắt đầu cấp dưỡng khi bản án hay quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Nợ chung và tài sản chung: Vợ chồng ông D tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Nguyễn Thị Mỹ D1 trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: Bà D1 thống nhất với lời trình bày của ông D về quan hệ hôn nhân, mâu thuẫn gia đình và việc sống ly thân giữa hai vợ chồng.

Bà D1 và ông D hay cãi nhau và có đánh nhau. Nguyên nhân là do ông D còn chơi cờ bạc và dùng chất kích thích. Tuy nhiên, bà D1 cho rằng tình cảm vợ chồng có thể hàn gắn, đoàn tụ để nuôi dạy các con cho tốt nên bà D1 không đồng ý ly hôn với ông D.

Trường hợp Toà án giải quyết ly hôn thì bà D1 đề nghị:

Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Đề nghị giao 02 con chung là cháu Hà Nhã P, sinh ngày 21/02/2017 và cháu Hà Anh Phi, sinh ngày 21/01/2019 cho bà Nguyễn Thị Mỹ D1 trực tiếp chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng cho đến khi cháu P và cháu P1 đủ 18 tuổi.

Bà D1 yêu cầu ông D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung với số tiền 10.000.000đồng(mười triệu đồng)/01tháng/02 con chung (5.000.00đồng/01 tháng/01 con chung). Việc cấp dưỡng nuôi con chung vào ngày 01 hàng tháng và bắt đầu cấp dưỡng khi bản án hay quyết định của Toà án có hiệu lực pháp luật. Quá trình tố tụng, bà D1 cho rằng mức cấp dưỡng nêu trên là không đủ nên bà D1 yêu cầu ông Hà Văn D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung với số tiền 20.000.000đồng (hai mươi triệu đồng)/01 tháng/02 con chung (10.000.000đồng/01 tháng/01 con chung).

Về tài sản chung và nợ chung: Khi ly hôn vợ chồng tự nguyện thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết.

**Tại phiên toà sơ thẩm:**

**Ông Hà Văn D và bà Nguyễn Thị Mỹ D1 thống nhất các vấn đề như sau:**

Về quan hệ hôn nhân: Ông Hà Văn D và bà Nguyễn Thị Mỹ D1 thống nhất thuận tình ly hôn.

Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Đề nghị giao 02 con chung là cháu Hà Nhã P, sinh ngày 21/02/2017 và cháu Hà Anh P1, sinh ngày 27/01/2019 cho bà Nguyễn Thị Mỹ D1 trực tiếp chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng cho đến khi cháu P và cháu P1 đủ 18 tuổi.

Việc ông Hà Văn D thực hiện cấp dưỡng nuôi con chung vào ngày 01 hàng tháng và bắt đầu thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng vào tháng 5 năm 2022.

Về nợ chung và tài sản chung: Ông Hà Văn D và bà Nguyễn Thị Mỹ D1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**Ông Hà Văn D và bà Nguyễn Thị Mỹ D1 không thống nhất về mức cấp dưỡng nuôi con chung:**

Ông Hà Văn D đề nghị mức cấp dưỡng nuôi con chung với số tiền 10.000.000đồng (mười triệu đồng)/01 tháng/02 cháu tức 5.000.000đồng (năm triệu đồng)/01 tháng/01 cháu.

Bà Nguyễn Thị Mỹ D1 đề nghị ông Hà Văn D cấp dưỡng nuôi con chung với số tiền 14.000.000đồng (mười bốn triệu đồng)/01 tháng/02 cháu tức 7.000.000đồng (bảy triệu đồng)/01 tháng/01 cháu).

***Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước:***

Quá trình giải quyết vụ án, từ khi thụ lý cho khi xét xử nhận thấy: Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của pháp luật về phiên tòa sơ thẩm; Các đương sự đã được Tòa án thực hiện các hoạt động tố tụng đảm bảo quyền, nghĩa vụ của mình.

Về nội D1 vụ án: Mâu thuẫn gia đình ông D và bà D1 là trầm trọng, cuộc sống hôn nhân hạnh phúc đã không còn, các bên trong quá trình giải quyết vụ án đã thống nhất ly hôn. Đề nghị, Hội đồng xét xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hà Văn D.

Về quan hệ hôn nhân: Ông Hà Văn D được ly hôn với bà Nguyễn Thị Mỹ D1.

Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Giao 02 con chung là cháu Hà Nhã P, sinh ngày 21/02/2017 và cháu Hà Anh Phi, sinh ngày 27/01/2019 cho bà Nguyễn Thị Mỹ D1 trực tiếp chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng cho đến khi cháu P và cháu P1 đủ 18 tuổi. Ông Hà Văn D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung với số tiền 10.000.000đồng (mười triệu đồng)/01 tháng/02 con chung tức 5.000.000đồng (năm triệu đồng)/01 tháng/01 con chung. Ông Hà Văn D thực hiện cấp dưỡng nuôi con chung vào ngày 01 hàng tháng và bắt đầu từ tháng 5 năm 2022.

Về nợ chung và tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, đương sự. Tòa án nhận định:*

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Theo nội D1 đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án. Ông Hà Văn D khởi kiện đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Mỹ D1 đề nghị Toà án giải quyết ly hôn. Bà Nguyễn Thị Mỹ D1 có nơi cư trú tại Số 864, đường Phú Riêng Đỏ, phường Tân Xuân, tp. Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì Tòa án xác định đây là vụ án dân sự trong đó các đương sự tranh chấp quan hệ hôn nhân, nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

[1.2]. Tại phiên toà bị đơn bà Nguyễn Thị Mỹ D1 thay đổi đề nghị yêu cầu mức cấp dưỡng nuôi con chung đối với nguyên đơn ông Hà Văn D. Xét thấy, việc thay đổi đề nghị yêu cầu mức cấp dưỡng nuôi con chung của bà D1 phù hợp với Điều 244 Bộ luật tố tụng Dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2]. Về nội D1 vụ án:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Vợ chồng ông D và bà D1 tự nguyện tìm hiểu, đăng ký kết hôn tại UBND xã Tân Phước, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước ngày 18/8/2016, tổ chức hôn lễ theo đúng quy định pháp luật và phong tục địa P. Việc kết hôn là do hai người hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc, lừa dối và đúng quy định pháp luật. Do đó, ông Hà Văn D và bà Nguyễn Thị Mỹ D1 là vợ chồng hợp pháp.

Trong quá trình giải quyết vụ án ông Hà Văn D và bà Nguyễn Thị Mỹ D1 thống nhất việc vợ chồng chung sống có nhiều mâu thuẫn, vợ chồng hay cãi nhau, có xảy ra xô xát, đánh nhau và sống ly thân với nhau. Tại phiên toà, ông D và bà D1 thuận tình ly hôn. Vợ chồng ông Hà Văn D và bà Nguyễn Thị Mỹ D1 thống nhất về việc thuận tình ly hôn là tự nguyện, đúng qui định pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên được Hội đồng xét xử ghi nhận.

[2.2]. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung:

Về con chung: Các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà thống nhất đề nghị: Giao 02 con chung là cháu Hà Nhã P, sinh ngày 21/02/2017 và cháu Hà Anh P1, sinh ngày 27/01/2019 cho bà Nguyễn Thị Mỹ D1 trực tiếp chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng cho đến khi cháu P và cháu P1 đủ 18 tuổi. Xét thấy, sự thoả thuận về người trực tiếp nuôi con chung của các đương sự là tự nguyện, đúng qui định pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con chung:

Ông Hà Văn D đề nghị có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung với số tiền là 10.000.000đồng(mười triệu đồng)/01 tháng/ 02 con chung. Việc cấp dưỡng nuôi con chung vào ngày 01 hàng tháng và bắt đầu thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng vào tháng 5 năm 2022.

Quá trình tố tụng, bà D1 yêu cầu ông D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung với số tiền 10.000.000đồng (mười triệu đồng)/01 tháng/02 con chung. Tuy nhiên phiên hoà giải ngày 21/3/2022, bà D1 cho rằng mức cấp dưỡng nêu trên là không đủ nên thay đổi yêu cầu mức cấp dưỡng mới. Bà D1 yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con chung với số tiền 20.000.000đồng(hai mươi triệu đồng)/01tháng/02 con chung (10.000.000đồng/01tháng/01 con chung). Tại phiên toà, bà D1 yêu cầu ông D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung với số tiền 14.000.000đồng (mười bốn triệu đồng)/01tháng/02 con chung tức 7.000.000đồng (bảy triệu đồng)/01 tháng/01 con chung). Việc cấp dưỡng nuôi con chung được thực hiện vào ngày 01 hàng tháng và bắt đầu thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng vào tháng 5 năm 2022.

Hội đồng xét xử nhận thấy: Bà D1 yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con chung là yêu cầu chính đáng, cần được chấp nhận. Tuy nhiên, mức cấp dưỡng nuôi con chung cần phù hợp với thu nhập của người phải cấp dưỡng nuôi con và mức độ sinh hoạt tại địa P. Tại phiên toà, các bên đương sự thừa nhận, ông D hiện nay chỉ ở nhà bố mẹ ruột để phụ giúp công việc buôn bán trong gia đình mà không làm việc tại nơi nào khác, mức thu nhập của ông D không cố định mà phụ thuộc vào bố mẹ ruột cung cấp. Toà án xác minh tại địa P ông D sinh sống mức thu nhập của người lao động phổ thông hiện nay của người dân vào khoảng từ 10.000.000đồng đến 12.000.000đồng. Mặt khác, bà D1 là người có việc làm, thu nhập ổn định, có khả năng nuôi dưỡng con chung nên việc ông Hà Văn D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung với số tiền 10.000.000đồng (mười triệu đồng)/01 tháng/02 con chung là phù hợp cho việc chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục các con chung của ông D, bà D1 hiện nay.

Từ những phân tích nêu trên xét thấy đề nghị của bà D1 về việc yêu cầu ông D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung với số tiền 14.000.000đồng/01 tháng/02 con chung (7.000.000đồng/01 tháng/01 con chung) là không phù hợp với điều kiện, thu nhập của ông D nên không có cơ sở chấp nhận.

[2.3]. Về tài sản chung và nợ chung: Bà D1, ông D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này. Các đương sự có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung bằng một vụ án khác theo quy định pháp luật.

[2.4]. Về án phí sơ thẩm: Ông D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

***Căn cứ:***

*Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 235; Điều 244; Điều 266; Điều 267; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;*

*Các Điều 51, 55; 57; 81; 82; 83; 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về "Quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án" của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.*

***Tuyên xử:***

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ông Hà Văn D.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Hà Văn D được ly hôn với bà Nguyễn Thị Mỹ D1.

1.2. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung:

Giao 02 con chung là cháu Hà Nhã P, sinh ngày 21/02/2017 và cháu Hà Anh P1, sinh ngày 27/01/2019 cho bà Nguyễn Thị Mỹ D1 trực tiếp chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng cho đến khi cháu P và cháu P1 đủ 18 tuổi. Ông Hà Văn D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung với số tiền 10.000.000đồng (mười triệu đồng)/01 tháng/02 con chung tức 5.000.000đồng (năm triệu đồng)/01 tháng/01 con chung. Ông Hà Văn D thực hiện cấp dưỡng nuôi con chung vào ngày 01 hàng tháng và bắt đầu từ tháng 5 năm 2022.

Người không trực tiếp nuôi con chung có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được quyền cản trở.

Các đương sự có quyền và nghĩa vụ khác đối với con chung theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

*Kể từ ngày bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án hàng tháng bên có nghĩa vụ phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.*

1.3. Về nợ chung và tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

2. Về án phí sơ thẩm: Ông Hà Văn D phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0004241 ngày 23/02/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước. Ông Hà Văn D còn phải nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng).

3. Quyền kháng cáo: Ông Hà Văn D và bà Nguyễn Thị Mỹ D1 có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND Tp Đồng Xoài;
- Chi cục THADS Tp Đồng Xoài;
- UBND xã Tân Phước;
- Các đương sự;
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đã ký**

**Vũ Đình Kiên**